

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 212/2026/DS-PT

Ngày: 24 - 3 - 2026

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) và tài sản gắn liền với đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trang.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Hùng

Ông Nguyễn Văn Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Xoàn – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2026/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) và tài sản gắn liền với đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2026/QĐ-PT ngày 04/03/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Ông Mạc Văn B, sinh năm 1971; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (Có mặt).

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn S (X), sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ) (Có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

4. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1961; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

5. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp C, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là phường L, thành phố Cần Thơ).

7. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Cần Thơ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh H – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L; Địa chỉ: phường L, thành phố Cần Thơ.

(Tất cả những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt)

* *Người kháng cáo*: Bị đơn Ông Nguyễn Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Mạc Văn B và bà Nguyễn Thị N cùng trình bày:*

Nguyên đơn có phần đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01534 ngày 22/5/2017. Thửa đất số 502; tờ bản đồ số 05; diện tích 3953,0m². Phần đất của nguyên đơn có một cạnh chiều dài khoảng 270m giáp với đất ông Nguyễn Văn S. Theo sơ đồ thửa đất thì ranh đất của nguyên đơn giáp với ông S là một đường thẳng và hai đầu ranh đất đã có cắm trụ đá để làm ranh cố định đã sử dụng ổn định đến ngày nay. Nhưng trong quá trình sử dụng ông S ven bờ mẩu ở đoạn giữa ranh. Nhận thấy đường ranh đã cong về đất nguyên đơn. Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn cho rằng bị đất lấn ranh khoảng 70m². Qua kết quả đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp có diện tích là 50,8m².

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông S trả lại phần đất có diện tích 50,8m² theo đo đạc thực tế. Đối với cây dừa trên đất thì do bị đơn trồng dừa lấn qua nên yêu cầu bị đơn tự đốn cây dừa.

** Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:*

Bị đơn đã sinh sống trên phần đất với cha ruột từ nhỏ đến lớn. Đến 1995, thì cha nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H1 tách quyền sử dụng đất cho ông S đứng tên phần đất có diện tích 5402,3m². Từ trước đến nay, ranh đất giữa bị đơn với ông B và bà N là ranh thẳng từ trước ra sau, có cắm trụ đá trước sau. Hai cây trụ đá cắm từ trước thì không còn, do cây trụ phía trước đã bị dòi nhưng bị đơn không biết ai dòi, cây trụ phía sau thì đã bị ông B đập bỏ. Ông B và bà N cắm cây trụ qua phía đất bị đơn, cây trụ phía trước lấn qua khoảng 0,45m và cây trụ phía sau lấn qua khoảng 0,33m. Bị đơn có kê đo đạc để kiểm tra lại thì phía ông B và bà N mới cắm cọc lại ở phía sau và đo đạc thì phần đất của bị đơn bị thiếu khoảng 48m².

Nay ông B và bà N yêu cầu bị đơn trả phần đất có diện tích khoảng 50,8m² thì bị đơn không đồng ý. Đối với cây dừa trên đất, ông S không có ý kiến vì thuộc phần đất của ông S.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn C cùng trình bày: Các ông bà là con của ông Nguyễn Văn H1 (đã chết năm 2022) và bà Võ Thị B1 (đã chết năm 2021). Đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn các đương sự không có ý kiến hay yêu cầu gì, để cho ông Nguyễn Văn S toàn quyền quyết định vì đất cha mẹ đã cho ông Nguyễn Văn S.

- Bà Nguyễn Thị L có ý kiến: Việc tranh chấp đất đai với ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N để cho ông Nguyễn Văn S toàn quyền quyết định, ý kiến của ông S như ý kiến của bà L.

** Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Cần Thơ trình bày:* Tại Công văn số 1258/UBND-KTHT&ĐT ngày 16/9/2025 xác định thửa đất số 182 không thuộc đất Nhà nước quản lý. Nếu phần đất trên được công nhận hoặc giao cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Cần Thơ đã tuyên xử:*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N.

[2] Công nhận phần đất tại vị trí (III) có diện tích 50,8m² cho nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N (Có Mảnh trích đo địa chính số 167-2024 của Công ty TNHH D1 ngày 30/7/2024 (có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 07/8/2024 – nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XV kèm theo).

[3] Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ giao phần đất có diện tích 50,8m² để trả lại cho nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N.

[4] Nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N được sở hữu 01 cây dừa loại A và có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Nguyễn Văn S số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 13/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Cần Thơ, theo hướng yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn S:* Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N:* Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn và yêu cầu giữ y án sơ thẩm.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý theo thủ tục phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, đương sự và Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn kháng cáo về hình thức và thời hạn kháng cáo là đúng nên kháng cáo là hợp lệ.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Qua diễn biến tại phiên tòa và qua đối chiếu tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, xét kháng cáo của bị đơn:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc các bên sử dụng phát sinh tranh chấp xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn việc sử dụng đất

của các bên làm ranh giới bị dịch chuyển chứ không phải do những giao dịch trước đó giao thiếu diện tích.

Đối với phần đất theo đo đạc thực tế chưa tính phần đất tranh chấp 50,8m² thực tế đất bị đơn sử dụng ổn định, không tranh chấp dư 8,7m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp. Đối với phần đất do nguyên đơn sử dụng thực tế thiếu 793,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp. Xét về hình thể thửa đất được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là các đường thẳng không gấp khúc, không thể hiện kích thước chiều ngang và chiều dài thửa đất mà chỉ thể hiện tổng diện tích thửa đất.

Do vậy, khi so sánh diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn so với đo đạc thực tế bị đơn sử dụng ổn định, chưa tính phần đất tranh chấp thì đất bị đơn đã dư, trong khi đất nguyên đơn thiếu nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Từ những phân tích trên, bị đơn không có cung cấp được chứng cứ gì thêm mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sơ thẩm: Giữ Y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn, yêu cầu trả lại phần đất lấn chiếm, trên đất có 01 cây dừa, đồng thời bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn phường L. Do đó, đây là “Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất), tranh chấp tài sản gắn liền với đất”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng T, ông Nguyễn Văn D, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L, Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Cần Thơ có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3]. Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Để xét kháng cáo, cần đánh giá khách quan toàn diện nội dung, cần thiết phải xem xét lại toàn bộ hồ sơ các bên. Lần lượt phân tích từng vấn đề liên quan:

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn S yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[4.1.] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đều thống nhất, nguồn gốc đất tranh chấp do các bên sử dụng đã qua nhiều giao dịch khác nhau. Các bên thống nhất không có tranh chấp liên quan đến trình tự, thủ tục chuyển quyền của những lần giao dịch trước đó.

[4.2] Phần đất tranh chấp có kết quả đo đạc thực tế có diện tích 50,8m² thuộc thửa 181 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không thuộc đất do Nhà nước quản lý. Nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn S sử dụng phần đất liền kề nhau.

Nguyên đơn ông B, bà N được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS015334 ngày 22/5/2017 thửa 502, diện tích 3953m² loại đất trồng lúa do nhận chuyển nhượng từ ông Đỗ Hùng C1.

Bị đơn cho rằng phần đất trước đây được cha mẹ là ông Nguyễn Văn H1 (đã chết năm 2022) và bà Võ Thị B1 (đã chết năm 2021) tặng cho. Tuy nhiên, khi thực hiện tặng cho không đo đạc thực tế mà chuyển nhượng hết thửa đất. Đối với thửa đất 182 mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng theo Công văn số 475/CN.TXLM ngày 25/6/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L xác định thửa 182 do ông S đứng tên theo bản đồ địa chính được quy hoạch năm 2018.

[4.3] Quá trình sử dụng đất nguyên đơn ông B, bà N cho rằng phía ông S ven bờ mẩu nên lấn qua phần đất của nguyên đơn diện tích khoảng 70m² (đo đạc thực tế 50,8m²).

[4.4] Xét phần đất giữa nguyên đơn và bị đơn là đường thẳng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên. Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm nguyên đơn cho rằng trước đây giữa các bên có thoả thuận trụ ranh đầu và cuối phần tranh chấp, do nguyên đơn đòi cắm thêm trụ giữa nên bị đơn mới không đồng ý và không thoả thuận được ranh cho tới nay. Hơn nữa, phần đất nguyên đơn thiếu nhiều hơn so

với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất bị đơn thì dư so với giấy, phần đất tranh chấp cũng không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị đơn được cấp. Do đó có cơ sở kết luận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm công nhận phần đất tranh chấp cho nguyên đơn là có căn cứ.

[4.3]. Xét về diện tích đất đo đạc thực tế so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp và hình thể thửa đất. Như vậy, chưa tính phần đất tranh chấp 50,8m² thực tế đất bị đơn sử dụng ổn định, không tranh chấp dư 8,7m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp. Đối với phần đất do nguyên đơn sử dụng thực tế thiếu 793,1m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp.

[4.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn cũng thống nhất có sự việc chính quyền địa phương có xuống chứng kiến cắm trụ đầu đất và cuối đất nhưng sau đó bị đơn tự kiểm tra lại đất, nguyên đơn yêu cầu cắm thêm các trụ giữa thì bị đơn không thống nhất. Như vậy, việc các đương sự có ý kiến cùng thống nhất có sự việc địa phương có chứng kiến việc cắm trụ đá đầu đất và cuối đất là sự thật.

[5] Từ những phân tích nêu trên, căn cứ toàn diện vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy có đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp 50,8m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn được quyền đòi lại tài sản nêu trên.

[6] Về tài sản trên đất, qua xem xét thẩm định tại chỗ trên phần đất tranh chấp có 01 cây dừa loại A do bị đơn trồng. Theo nguyên đơn, khi trồng cây dừa còn nhỏ, sau này cây dừa lớn nên lấn qua phần đất tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày đã nhiều lần yêu cầu bị đơn dời cây dừa nhưng bị đơn không đồng ý, nguyên đơn cũng không trình báo chính quyền địa phương. Do đó, cần thiết giao cây dừa cho nguyên đơn được quyền sở hữu và có nghĩa vụ trả lại giá trị cây dừa số tiền 2.600.000 đồng cho bị đơn như cấp sơ thẩm là phù hợp.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa thêm chứng cứ gì thêm mới nên với những phân tích nêu không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên bị đơn phải chịu án phí.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định nên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Cần Thơ.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N.

[2] Công nhận phần đất tại vị trí (III) có diện tích 50,8m² cho nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N (Có Mảnh trích đo địa chính số 167-2024 của Công ty TNHH D1 ngày 30/7/2024 (có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 07/8/2024 – nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XV kèm theo).

[3] Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ giao phần đất có diện tích 50,8m² để trả lại cho nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N.

[4] Nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N được sở hữu 01 cây dừa loại A và có nghĩa vụ trả cho bị đơn ông Nguyễn Văn S số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá, trích lục hồ sơ: Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ nộp số tiền 4.875.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Mạc Văn B, bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0007581 ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Cần Thơ).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003892 ngày 30/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ đã nộp thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/3/2026).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 12 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang